

MUA [+16.5%]

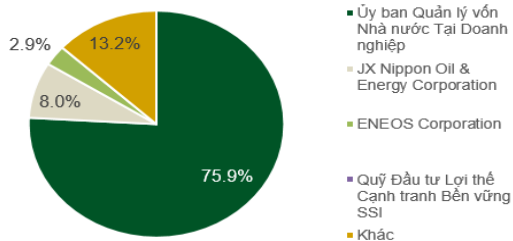
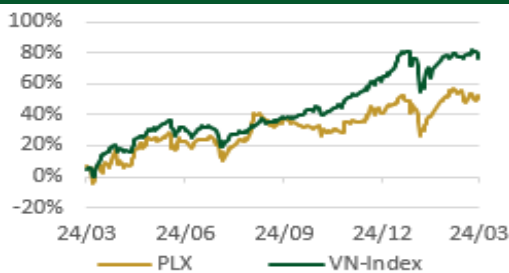
Ngày cập nhật: 29/03/2021

Giá hợp lý	64,800	VND
Giá hiện tại	55,600	VND

PHS

(+84-28) 5413 5479 – support@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành (triệu)	1,170
Free-float (triệu)	105.4
Vốn hóa (tỷ đồng)	70,677
KLGD TB 3 tháng	1,052,452
Sở hữu nước ngoài	13.3%
Ngày niêm yết đầu tiên	21/04/2017

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: Fiinpro

Hồi phục mạnh mẽ.

Kết quả kinh doanh 2020: Doanh thu năm 2020 đạt 123,924 tỷ VND (-34.6% YoY) do ảnh hưởng của giá dầu giảm mạnh -49% YoY. Tuy nhiên, do chi phí bán hàng (CPBH) chỉ giảm nhẹ ở mức 1.2% YoY, chi phí quản lý doanh nghiệp còn tăng 28.2%, LNST chỉ đạt 1,235 tỷ VND (-73.6% YoY).

Với hệ thống phân phối xăng dầu gồm 5,500 cửa hàng (2,700 cửa hàng bán lẻ trực thuộc trực tiếp – COCO và 2,800 cửa hàng đại lý - DODO), CPBH của PLX chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí. Năm 2020, CPBH chiếm tới 6.9% trong tổng doanh thu của PLX (so với mức 4.6% của năm 2019) đạt 8,596 tỷ VND.

Dự phóng 2021: Giá dầu đã phục hồi trong năm 2021 và kỳ vọng mức trung bình đạt 60 USD/thùng (+39% YoY), chúng tôi ước tính giá bán xăng dầu trung bình của PLX đạt 19,000 VND/lít (+19% YoY). Với sản lượng bán xăng dầu trong nước năm 2021 của PLX ước đạt 9.5 triệu tấn (+5.5% YoY), tổng doanh thu PLX dự phóng tăng 25.5% đạt 155,525 tỷ VND.

Bên cạnh đó, PLX cũng đặt trọng tâm chuyển đổi số với các ứng dụng hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp, hệ thống quản lý bán hàng doanh nghiệp, thanh toán không dùng tiền mặt,... có thể cắt giảm chi phí bán hàng còn 4.4% doanh thu (so với mức 4.6% của năm 2019). Với kỳ vọng từ giá dầu hồi phục và việc cắt giảm chi phí bán hàng, LNST của PLX năm 2021 ước đạt 4,563 tỷ VND (+269.5% YoY).

PLX cũng có kế hoạch mở 80-100 COCO mỗi năm, ưu tiên các trạm có quy mô lớn với diện tích hơn 2,000 m²/trạm, để bổ sung các dịch vụ rửa xe và bảo dưỡng, cửa hàng tiện lợi và các dịch vụ ăn uống. Với sự hỗ trợ từ cổ đông chiến lược JX Nippon Oil & Energy đã có kinh nghiệm, PLX có tiềm năng cải thiện biên lợi nhuận nhờ các dịch vụ phụ trợ này.

Động lực tăng trưởng: PLX hiện chiếm 49% thị phần xăng dầu trong nước, PLX có lợi thế vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh với hệ thống 5,500 cửa hàng. PLX còn tự chủ 100% nhu cầu vận chuyển, lưu trữ của tập đoàn.

Tiềm năng từ các dự án mới: PLX đang trong tiến trình đề xuất thực hiện dự án LNG Nam Vân Phong. Nếu dự án được thông qua, PLX sẽ cùng với GAS là hai ông lớn trong ngành phân phối khí LNG.

Kế hoạch thoái vốn: PLX có kế hoạch thoái 40% cổ phần tại PGB thông qua hình thức đấu giá công khai (ước tính có thể mang lại cho PLX khoảng 1,800 tỷ VND) và giảm tỷ lệ sở hữu tại PGI từ 40.95% xuống ít nhất là 35.1% (ước tính có thể mang lại cho PLX khoảng 101 tỷ VND) và thoái vốn khỏi các hoạt động kinh doanh không cốt lõi khác (ước tính trị giá là 510 tỷ VND). Năm 2021, PLX cũng tiếp tục triển khai phương án giảm vốn nhà nước xuống 51% theo lộ trình phê duyệt tại quyết định 1232/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

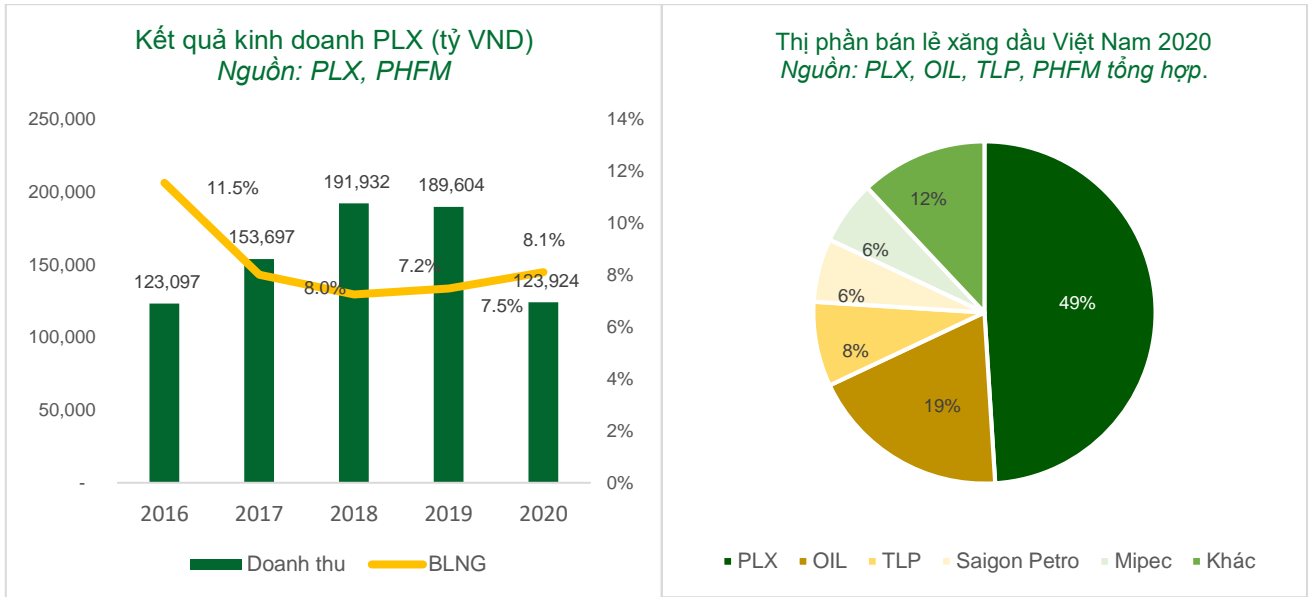
Định giá & khuyến nghị: Bằng phương pháp DCF và P/E, chúng tôi ước tính giá trị hợp lý của PLX là 64,800 VND/cổ phiếu, tăng 16.5% so với mức giá hiện tại. Do đó, khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu này.

Rủi ro: (1) Dịch bệnh Covid-19 chưa được kiểm soát; (2) Biến động giá dầu; (3) Cạnh tranh từ các đối thủ trong ngành; (4) Rủi ro pháp lý; (5) Rủi ro tỷ giá.

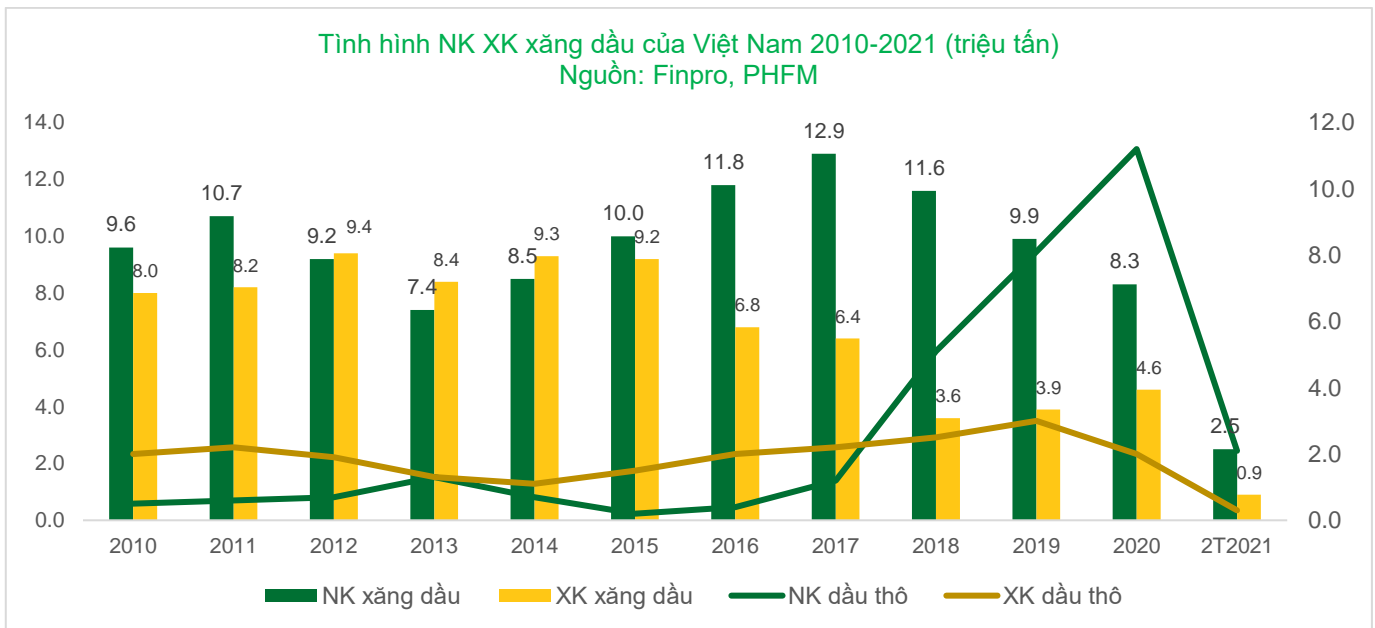
Chỉ số tài chính	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	123,097	153,697	191,932	189,604	123,924	155,525
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	5,147	3,912	4,155	4,677	1,235	4,563
EPS (VND)	3,978	3,023	3,585	3,927	1,014	3,668
Tăng trưởng EPS (%)	45%	-24%	19%	10%	-74%	262%
Giá trị sổ sách (VND)	15,440	15,859	17,557	19,345	17,376	17,545
P/E		19.2	15.1	13.0	44.4	17.7
P/B		3.7	3.1	2.6	2.6	3.7
Cổ tức tiền mặt (%)		32%	30%	26%	30%	30%

Tình hình kinh doanh của PLX

Doanh thu năm 2020 đạt 123,924 tỷ VND (-34.6% YoY) do ảnh hưởng của giá dầu giảm mạnh -49% YoY. Tuy nhiên, do chi phí bán hàng (CPBH) chỉ giảm nhẹ ở mức 1.2% YoY, chi phí quản lý doanh nghiệp còn tăng 28.2%, LNST chỉ đạt 1,235 tỷ VND (-73.6% YoY).

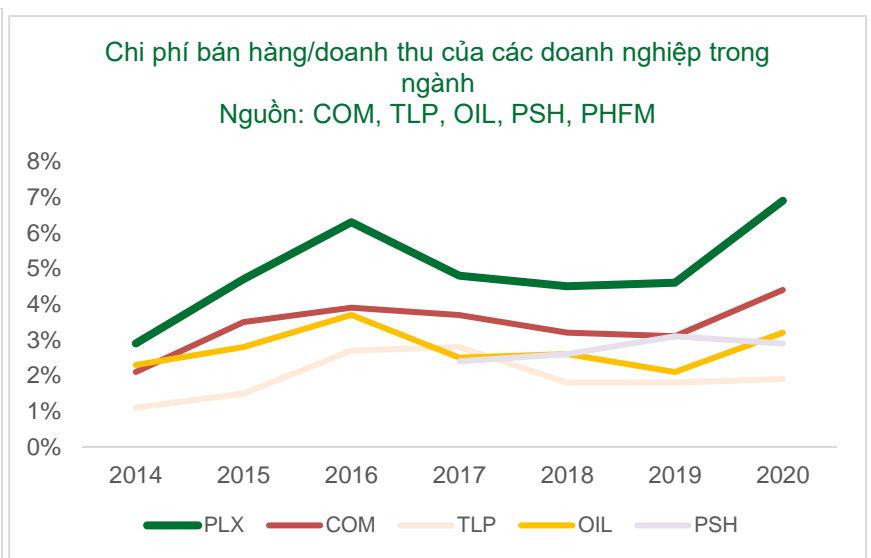
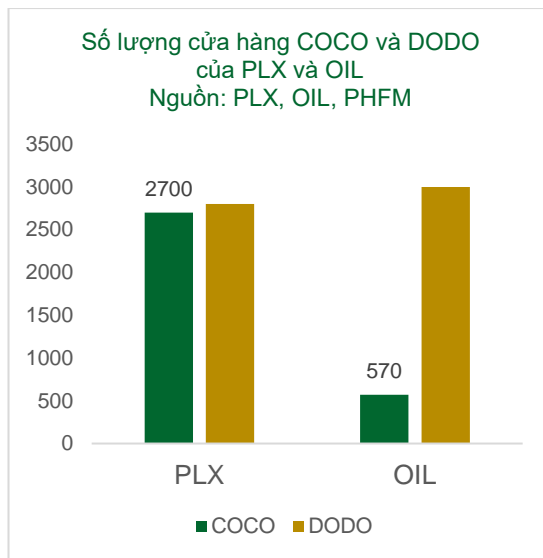


Lượng xăng dầu trong nước chủ yếu đến từ 2 nhà máy lọc dầu Bình Sơn và Nghi Sơn (chiếm khoảng 70-80% nhu cầu tiêu thụ trong nước) và nhập khẩu (chiếm khoảng 20-30% nhu cầu tiêu thụ trong nước). Trong đó, PLX chiếm khoảng 49% thị phần thị phần phân phối các sản phẩm xăng dầu trong nước, tiếp theo là OIL, TLP, Saigon Petro và Mipec...



Động lực tăng trưởng:

Hệ thống phân phối xăng dầu trên cả nước hiện nay vào khoảng 14,000 cửa hàng xăng dầu. Trong đó, PLX có lợi thế vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh với hệ thống 5,500 cửa hàng (2,700 COCO và 2,800 DODO). OIL đứng thứ hai với 3,570 cửa hàng bán lẻ xăng dầu với 570 COCO và gần 3,000 DODO.



Tiềm năng từ các dự án mới: PLX đang trong tiến trình đề xuất thực hiện dự án LNG Nam Vân Phong. Nếu dự án được thông qua, PLX sẽ cùng với GAS là hai ông lớn trong ngành phân phối khí LNG.

Kế hoạch thoái vốn: PLX có kế hoạch thoái vốn 40% cổ phần tại PGB thông qua hình thức đấu giá công khai (ước tính có thể mang lại cho PLX khoảng 1,800 tỷ VND) và giảm tỷ lệ sở hữu tại PGI từ 40.95% xuống ít nhất là 35.1% (ước tính có thể mang lại cho PLX khoảng 101 tỷ VND) và thoái vốn khỏi các hoạt động kinh doanh không cốt lõi khác (ước tính trị giá là 510 tỷ VND). Năm 2021, PLX cũng tiếp tục triển khai phương án giảm vốn nhà nước xuống 51% theo lộ trình phê duyệt tại quyết định 1232/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ. (Lãi/lỗ từ việc thoái vốn chúng tôi chưa được tính vào kết quả kinh doanh 2021).

Dự báo 2021:

Giá dầu đã phục hồi trong năm 2021 và kỳ vọng mức trung bình đạt 60 USD/thùng (+39% YoY), chúng tôi ước tính giá bán xăng dầu trung bình của PLX đạt 19,000 VND/lít (+19% YoY). Với sản lượng bán xăng dầu trong nước năm 2021 của PLX ước đạt 9.5 triệu tấn (+5.5% YoY), tổng doanh thu PLX dự phóng tăng 15.5% đạt 155,525 tỷ VND.

Bên cạnh đó, PLX cũng đặt trọng tâm chuyển đổi số với các ứng dụng hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp, hệ thống quản lý bán hàng doanh nghiệp, thanh toán không dùng tiền mặt... có thể cắt giảm chi phí bán hàng còn 4.4% doanh thu (so với mức 4.6% của năm 2019). Với kỳ vọng từ giá dầu hồi phục và việc cắt giảm chi phí bán hàng, LNST của PLX năm 2021 ước đạt 4,563 tỷ VND (+269.5% YoY).

PLX cũng có kế hoạch mở 80-100 COCO mỗi năm, ưu tiên các trạm có quy mô lớn với diện tích hơn 2,000 m²/trạm, để bổ sung các dịch vụ rửa xe và bảo dưỡng, cửa hàng tiện lợi và các dịch vụ ăn uống. Với sự hỗ trợ từ cổ đông chiến lược JX Nippon Oil & Energy đã có kinh nghiệm trước đây, PLX có tiềm năng cải thiện biên lợi nhuận nhờ các dịch vụ phụ trợ này.

Trong năm 2020, PLX đã bán 28 triệu cổ phiếu quỹ với giá trung bình là 48,000 VND/cp, ước tính số tiền mang lại là 1,344 tỷ VND. Trong năm 2021, PLX tiếp tục bán 25 triệu cổ phiếu quỹ, thời gian thực hiện từ ngày 1/3/2021 đến ngày 30/3/2021, ước tính PLX thu về khoảng 1,400 tỷ VND (ước tính giá giao dịch trung bình ở mức 55,000 VND/cp), số cổ phiếu quỹ còn lại sau giao dịch của PLX còn khoảng 50 triệu cổ phiếu.

Chi tiết định giá và khuyến nghị:

Bằng phương pháp DCF và P/E, chúng tôi ước tính giá trị hợp lý của PLX là 64,800 VND/cổ phiếu, tăng 16.5% so với mức giá hiện tại. Do đó, khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu này.

FCFF (tỷ VND)	2021F	2022F	2023F	2024F	2025F	2026F
(EBIT - Lãi vay)*(1-t)	3,112	4,206	4,252	4,486	4,499	4,783
Khấu hao	2,073	1,912	2,107	2,217	2,341	2,342
Chi đầu tư TSCĐ	(1,980)	(1,406)	(1,647)	(2,280)	(2,486)	(1,906)
Thay đổi VLĐ	(1,369)	(528)	(2,084)	(1,250)	(239)	(922)
FCFF	1,836	4,184	2,627	3,172	4,116	4,297
PV của FCFF (WACC 9%)	1,684	3,521	2,029	2,247	2,675	2,562

EV (tỷ VND)	
DCF (5 năm)	12,155
Giá trị cuối cùng (g=4%)	81,102
Cash	11,314
Nợ	19,111
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	5,432
Giá trị vốn cổ phần	80,028
SLCP (tr. Cp)	1,244
Giá hợp lý (VND/CP)	64,300

PP P/E	
P/E trung bình ngành	19.7
EPS (Cổ đông công ty mẹ) (VND/cp)	3,308
Giá hợp lý (VND/CP)	65,200

Phương pháp	Giá hợp lý (VND/cp)
PP DCF (50%)	64,300
PP P/E (50%)	65,200
Giá hợp lý	64,800
Giá hiện tại	55,600
% tăng/giảm	16.5%

Bảng phân hóa độ nhạy với giá dầu

Kịch bản	Giá dầu	Giá hợp lý (VND/CP)	Upside
Khả quan	70 USD/thùng	75,800	36.3%
Trung tính	60 USD/thùng	64,800	16.5%
Kém khả quan	50 USD/thùng	51,300	-7.7%

(Nguồn: PHFM)

Rủi ro:

Rủi ro giá dầu: Giá dầu thay đổi có tác động lớn đến doanh thu và lợi nhuận của PLX trong thời gian tới. Tình hình dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp.

Rủi ro chính sách: Chính phủ có thể thay đổi các quy định về phương thức hoạt động của các doanh nghiệp đầu mối, tổng đại lý và đại lý phân phối xăng dầu. Bên cạnh đó, việc thay đổi quy định về thời gian tồn kho tối thiểu của các đại lý xăng dầu cũng tác động đến nguồn tiền hoạt động của PLX, cũng như kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Sự cố kỹ thuật: Các sự cố kỹ thuật trong tồn kho, lưu trữ, và vận chuyển xăng dầu. Bên cạnh đó, PLX còn có các rủi ro trong sản xuất, lưu trữ khí LPG, dầu nhờn, nhựa đường cũng như các chế phẩm xăng dầu.

Rủi ro tỷ giá: Giá các sản phẩm xăng dầu đều được neo theo đồng USD.

Sơ lược công ty

PLX với lĩnh vực kinh doanh chính là cung cấp xăng dầu, cung cấp ra thị trường khoảng 13.9 triệu tấn xăng dầu năm mỗi năm với hệ thống kho bể có sức chứa trên 1,700,000 m³ với hệ thống phân phối trên 2,700 cửa hàng xăng dầu thuộc Petrolimex và hơn 2,800 cửa hàng xăng dầu thuộc đại lý, tổng đại lý trên phạm vi toàn quốc.

PLX có các công ty con hoạt động trong các lĩnh vực như hóa dầu, GAS, bảo hiểm, vận tải thủy, xây lắp, dịch vụ xăng dầu và thương mại và các dịch vụ khác.

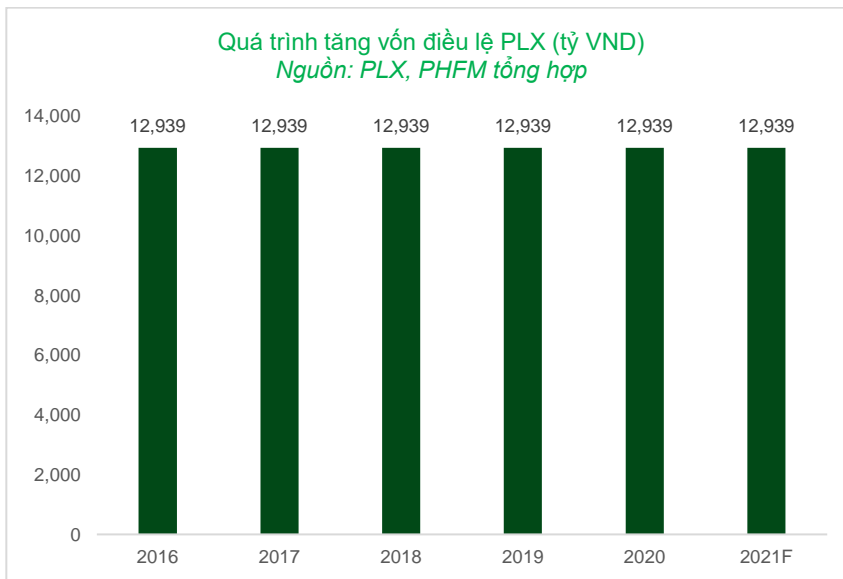
- Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex (PLC) đã tự sản xuất và đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước, chiếm thị phần khoảng 20% với 2 nhà máy sản xuất dầu nhờn công suất pha chế 25,000 tấn/năm/nhà máy.
- Petrolimex Gas (PGC) là một trong những thương hiệu uy tín nhất trên thị trường Việt Nam với thị phần từ 10% đến 15%.
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO) hiện đã triển khai trên 50 sản phẩm bảo hiểm và đang chiếm lĩnh thị trường trong các lĩnh vực: giao thông vận tải, xây dựng và lắp đặt công trình, xăng dầu, hàng hóa xuất nhập khẩu và bảo hiểm xe cơ giới.
- Petrolimex Aviation cung cấp nhiên liệu bay cho các hãng hàng không lớn trên thế giới như: United Airlines, Japan Airlines và Korean Air và Air China.

PLX hiện có đội tàu viễn dương có tổng trọng tải 140,000 DWT, đội tàu sông, ven biển có tổng trọng tải gần 10 vạn tấn, tuyến ống xăng dầu 500km và hơn 1,200 xe xitec với tổng dung tích trên 9,000 m³ trực thuộc sự quản lý các công ty thành viên đảm bảo vận chuyển xăng dầu từ nước ngoài về Việt Nam và từ các kho đầu mối nhập khẩu đến các cảng và đại lý tiêu thụ trong cả nước.

Petrolimex có một đội ngũ chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm chuyên tư vấn, thiết kế và xây dựng các công trình xăng dầu và dầu khí như kho cảng xăng dầu, kho cảng LPG, kho nhựa đường lỏng, nhà máy pha chế dầu nhờn, tuyến ống dẫn dầu...



Quá trình tăng vốn điều lệ



Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Doanh thu thuần	123,097	153,697	191,932	189,604	123,924	155,525
Giá vốn hàng bán	(108,891)	(141,401)	(178,026)	(175,434)	(113,890)	(143,543)
Lợi nhuận gộp	14,205	12,297	13,906	14,169	10,034	11,982
Chi phí bán hàng	(7,701)	(7,321)	(8,544)	(8,702)	(8,596)	(6,843)
Chi phí QLDN	(1,017)	(818)	(573)	(640)	(820)	(606)
Lợi nhuận từ HĐKD	5,487	4,158	4,789	4,827	618	4,533
Lợi nhuận tài chính	880	791	995	1,004	917	939
Chi phí lãi vay	(552)	(571)	(865)	(791)	(709)	(744)
Lợi nhuận trước thuế	6,300	4,785	5,178	5,648	1,398	5,505
Lợi nhuận sau thuế	5,147	3,912	4,155	4,677	1,235	4,563
LNST của cổ đông Công ty mẹ	4,669	3,468	3,748	4,158	970	4,115
Cân đối kế toán	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Tài Sản Ngắn Hạn	33,396	40,528	34,690	38,753	39,771	38,811
Tiền và tương đương tiền	11,354	14,223	10,221	11,275	13,811	14,708
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,674	2,507	4,714	5,397	5,505	5,615
Phải thu ngắn hạn	6,918	7,462	7,556	8,344	8,594	8,852
Hàng tồn kho	8,627	12,868	10,303	11,773	9,418	7,534
Tài sản ngắn hạn khác	3,824	3,468	1,896	1,964	2,443	2,101
Tài Sản Dài Hạn	20,868	21,243	21,593	23,010	25,543	28,317
Phải thu dài hạn	-68	-22	-105	-86	-71	-87
Tài sản cố định	15,646	15,271	15,139	15,406	17,254	19,325
Bất động sản đầu tư	256	165	199	190	209	220
Chi phí xây dựng dở dang	605	780	873	990	1,039	1,091
Đầu tư tài chính dài hạn	2,496	2,995	3,243	3,996	4,396	4,835
Tài sản dài hạn khác	1,933	2,054	2,243	2,514	2,716	2,933
Tổng tài sản	54,266	61,771	56,284	61,762	65,314	67,128
Nợ phải trả	31,044	38,385	33,191	35,839	41,178	42,288
Nợ ngắn hạn	27,942	35,758	31,579	34,173	39,539	40,636
Nợ dài hạn	3,102	2,627	1,611	1,666	1,639	1,653
Vốn chủ sở hữu	23,203	23,386	23,093	25,923	24,136	24,839
Vốn điều lệ	12,939	12,939	12,939	12,939	12,939	12,939
Tổng nguồn vốn	54,266	61,771	56,284	61,762	65,314	67,128

Lưu chuyển tiền tệ	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	4,671	1,777	4,371	4,181	4,212	2,337
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	-2,286	-2,124	-3,460	-2,661	-3,193	-3,832
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	-2,430	3,428	-5,005	-657	1,517	2,392
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(44.76)	3,081	(4,094)	863	2,536	897
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	11,289	11,354	14,223	10,221	11,275	13,811
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	11,354	14,223	10,221	11,275	13,811	14,708
Chỉ số tài chính	2016A	2017A	2018A	2019A	2020A	2021F
Tăng trưởng						
Doanh thu	-16.2%	24.9%	24.9%	-1.2%	-34.6%	25.5%
Lợi nhuận sau thuế	50.8%	-24.0%	6.2%	12.6%	-73.6%	269.3%
Tổng tài sản	6.7%	13.9%	-8.9%	9.7%	0.4%	5.1%
Tổng vốn chủ sở hữu	39.5%	0.8%	-1.2%	12.3%	-6.9%	2.9%
Khả năng sinh lời						
Tỷ suất lãi gộp	11.5%	8.0%	7.2%	7.5%	8.1%	7.7%
Tỷ suất EBIT	8.5%	8.6%	8.7%	9.5%	10.4%	2.9%
Tỷ suất lãi ròng	4.2%	2.5%	2.2%	2.5%	1.0%	2.9%
ROA	9.5%	6.3%	7.4%	7.6%	1.9%	6.8%
ROE	22.2%	16.7%	18.0%	18.0%	5.1%	18.4%
Hiệu quả hoạt động						
Số ngày phải thu	21.47	18.22	14.94	16.65	15.79	16.22
Số ngày tồn kho	28.58	32.82	22.01	24.27	23.14	23.71
Số ngày phải trả	30.81	48.59	32.25	27.66	29.95	28.81
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.20	1.13	1.10	1.13	1.01	0.96
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.89	0.77	0.77	0.79	0.77	0.77
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.57	0.62	0.59	0.58	0.63	0.63
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.34	1.64	1.44	1.38	1.71	1.70
Vay ngắn hạn/VCSH	1.20	1.53	1.37	1.32	1.64	1.64
Vay dài hạn/VCSH	0.13	0.11	0.07	0.06	0.07	0.07

(Nguồn: PHFM)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Như Lan, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, Trung Hòa

Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Số 127 Lò Đúc,

Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby 81-83-83B-85 Hàm Nghi,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912